

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **217/2023/HC-PT**
Ngày: 31/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Ông Phạm Đình Khánh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 541/2022/TLPT-HC ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh ND.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2657/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa:

* ***Người khởi kiện:*** Bà Đặng Thị Hồng P1, sinh năm 1958; Địa chỉ: Xóm W thôn HD, xã NH, huyện NT, tỉnh ND; Có mặt.

**** Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ND;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh D1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh ND; Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NT, tỉnh ND: Ông Lưu Quang T1; Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân huyện NT, tỉnh ND;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Quang T1, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện NT; Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã NH, huyện NT, tỉnh ND;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Quốc P2, chức vụ: Chủ tịch UBND xã NH; Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2022, đơn khởi kiện (sửa đổi, bổ sung) ngày 10/5/2022 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện bà Đặng Thị Hồng P1 trình bày:* Bà có 02 thửa đất là thửa số 1536 và thửa 2287 nằm kề nhau thuộc tờ bản đồ số 3 tại xóm W, thôn HD, xã NH, huyện NT, tỉnh ND. Thửa số 2287 có diện tích 270m² là đất thổ cư của em trai là Đặng Bá N1 cho bà; thửa số 1536 có diện tích 380m² chia 2 phần; 1 phần nằm ngang ao phía trong sau 3 thửa có diện tích 150m²; 1 phần nằm giáp mặt đường Trắng có diện tích 230m², có chiều dài mặt đường là 13,5m + 0,5m trừ vệt ao, chiều từ đường vào trong là 17m.

Thửa số 1536 là đất 5% của bố đẻ là ông Đặng Hữu C1 cho bà, có giấy của bố bà xin chuyển đất 5% từ bên nội về ao trước nhà năm 1983 và có dấu, chữ ký của Hội đồng quản trị HTX và UBND xã NH đồng ý nhất trí từ năm 1983 (với 1 sào nội ăn 3 sào ao). Từ ngày nhận đất đến nay, gia đình bà vẫn sử dụng, không có ai đấu thầu và bố bà cũng không trả ra.

Bà đã được UBND huyện NT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/10/2011. Tuy nhiên, UBND huyện NT lại cho rằng thửa đất số 1536 là đất của UBND xã NH quản lý và đã ban hành quyết định số 22/QĐ/UBND để thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà. Bà không nhất trí nên đã khiếu nại quyết định này.

Ngày 24/12/2020, Chủ tịch UBND huyện NT đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, giữ nguyên quyết định số 22/QĐ/UBND ngày 14/01/2016. Bà không nhất trí và đã làm đơn khiếu nại lần 2. Đến ngày 10/8/2021, Chủ tịch UBND tỉnh ND đã ban hành quyết định số 1683/QĐ/UBND và giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, không chấp nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của bà. Như vậy, các quyết định hành chính nêu trên là trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14/1/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NT về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 445716 mang tên Đặng Thị Hồng P1.

- Hủy Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Hủy Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ND về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh ND trình bày:*

Ngày 24/8/2015, Chủ tịch UBND huyện NT có Quyết định số 3359/QĐ-UBND thanh tra việc cấp GCNQSDĐ cho bà P1. Sau khi tiến hành thanh tra, ngày 14/01/2016, Chủ tịch UBND huyện NT đã ban hành Kết luận thanh tra số 01/KL-UBND. Trên cơ sở Kết luận thanh tra, ngày 14/01/2016, Chủ tịch UBND huyện NT có Quyết định số 22/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ số BG 445716 cấp ngày 06/10/2011 của bà P1.

Ngày 19/01/2016, UBND huyện NT tổ chức công bố Kết luận số 01/KL-UBND và Quyết định số 22/QĐ-UBND nêu trên. Tại buổi làm việc này, bà P1 nhất trí với nội dung của Kết luận số 01/KL-UBND và Quyết định số 22/QĐ-UBND nhưng sau đó bà P1 không thực hiện Quyết định số 22/QĐ-UBND và tiếp tục có đơn đề nghị UBND huyện NT, UBND tỉnh ND xem xét giải quyết. Từ năm 2016 đến năm 2020, UBND huyện NT và UBND xã NH đã nhiều lần làm việc với bà P1 để hướng dẫn việc cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên, do không thống nhất được mốc giới, nên đề nghị của bà P1 không giải quyết được. Từ đó phát sinh khiếu nại về việc UBND huyện NT thu hồi GCNQSDĐ số BG 445716 ngày 06/10/2011 của bà P1.

Ngày 14/9/2020, Chủ tịch UBND huyện NT có Thông báo số 214/TB-UBND thụ lý khiếu nại của bà P1 đối với Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của Chủ tịch UBND huyện NT. Trên cơ sở kết quả thẩm tra, xác minh, ngày 24/12/2020, Chủ tịch UBND huyện NT đã ban hành Quyết định số 3749/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà P1; theo đó: Giữ nguyên toàn bộ nội dung Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 14/01/2016 của Chủ tịch UBND huyện NT về việc thu hồi GCNQSDĐ số BG 445716 do UBND huyện NT cấp ngày 06/10/2011 mang tên bà Đặng Thị Hồng P1 tại xóm W, thôn HD, xã NH, huyện NT. Tuy nhiên, bà Đặng Thị Hồng P1 chưa nhất trí và khiếu nại tiếp đến Chủ tịch UBND tỉnh ND đề nghị xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Trên cơ sở kết quả thẩm tra, xác minh, đối thoại và xem xét toàn diện hồ sơ, tài liệu có liên quan; ngày 10/8/2021, Lãnh đạo UBND tỉnh ND đã ký ban hành Quyết định số 1683/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Đặng Thị Hồng P1. Như vậy, Quyết định giải quyết khiếu nại số 1683/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh ND là đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 và các quy định liên quan.

- Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của bà Đặng Thị Hồng P1: Thừa đất liên quan đến nội dung khiếu nại có diện tích 430m²; diện tích đất này được hợp từ 02 thửa đất, gồm 160m² đất thuộc một phần của thửa đất số 1536 và 270m² đất thuộc thửa đất số 2287 (Tờ bản đồ số 3, Bản đồ địa chính xã NH lập năm 1991, chỉnh lý năm 1994), cụ thể: Đối với 160m² đất thuộc một phần của thửa đất số 1536:

Theo Bản đồ lập năm 1985 (khi thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng

đất trong cả nước) thể hiện diện tích đất này thuộc thửa đất số 540, tờ bản đồ số 3, diện tích toàn thửa là 1.130m², loại đất “AO”, ghi chủ sử dụng là “HTX”.

Ngày 20/8/1983, ông Đặng Hữu C1 (bố của bà P1) có đơn xin chuyển đổi diện tích đất 5% chăn nuôi lấy 1,45 sào ao nêu trên. Đơn đã được HTX, UBND xã NH nhất trí và xác nhận ngày 25/4/1985.

Theo Bản đồ địa chính xã NH lập năm 1991, chỉnh lý năm 1994 thể hiện phần đất ao nêu trên thuộc thửa đất số 1536, tờ bản đồ số 3, diện tích 380m², loại đất “AO”, ghi chủ sử dụng là “UB”.

Năm 1993, xã NH thực hiện việc giao ruộng cho các hộ gia đình theo Quyết định 115/QĐ-UB ngày 15/02/1992 của UBND tỉnh Hà Nam Ninh; Theo đó, mỗi khẩu được giao 1,35 sào, hộ ông C1 có 04 nhân khẩu (không có khẩu bà P1, vì tại thời điểm này bà P1 đã lấy chồng và sinh sống ở địa phương khác) được giao đủ 2.005m² theo tiêu chuẩn và được thể hiện trên sổ địa chính năm 1994, kèm theo vị trí, diện tích các thửa phụ.

Năm 1994, hộ ông C1 đã được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất nông nghiệp được giao và diện tích đất ở đang sử dụng. Toàn bộ diện tích đất hộ ông C1 được giao và cấp GCNQSDĐ không có diện tích đất ao nêu trên. Sau khi được giao đất và cấp GCNQSDĐ, ông C1 vẫn sử dụng thửa đất ao nêu trên với hình thức nhận khoán thầu của UBND xã NH; UBND xã NH đã thu của ông C1 số tiền 120.000 đồng về khoản “*nộp hoa lợi công cộng đấu thầu 10 năm*” (Phiếu thu số 22 ngày 12/11/2002) và 8.000.000 đồng về khoản “*nộp tiền lệ phí cấp đất*” (thu ngày 20/8/2004, nhưng không ghi rõ địa chỉ khu đất).

Ngày 10/02/2003, bà P1 có đơn xin cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất ao nêu trên. Ngày 14/02/2005, UBND xã NH xác nhận vào với nội dung “*về hiện trạng sử dụng đất: đã xây nhà ở; về nguồn gốc sử dụng đất: xã cấp năm 1995*”.

Ngày 15/3/2005, ông C1 viết “Giấy chuyển đất” cho con gái là bà Đặng Thị Hồng P1 được toàn quyền sử dụng diện tích thửa đất ao nói trên. Giấy chuyển đất này chỉ có chữ ký của ông C1 và 04 người con của ông C1 nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận.

Ngày 20/9/2007, UBND xã NH có biên bản xét duyệt Phương án xử lý đối với 112 trường hợp sử dụng đất chưa hợp pháp, trong đó có hộ bà P1 sử dụng 160m², lệ phí trước bạ phải nộp là 100.000 đồng.

Ngày 28/9/2007, đoàn kiểm tra liên ngành của huyện NT đã thẩm định xác nhận hồ sơ đối với 112 trường hợp nêu trên.

Ngày 11/11/2008, UBND huyện NT đã ra Quyết định số 442/QĐ-UBND cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân xã NH, theo đó, hộ bà P1 được cấp GCNQSDĐ số AO283371, diện tích được ghi trong GCN là 160m² (thuộc thửa đất số 1536, Tờ bản đồ số 3) mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng: Lâu dài.

Đối với 270m² đất thuộc thửa đất số 2287. Đây là diện tích đất bà P1 nhận chuyển nhượng từ em trai là ông Đặng Văn N2 và đã được UBND huyện NT cấp GCNQSDĐ số AC 690757 ngày 31/8/2005. Ngày 06/9/2011, bà P1 có đơn xin hợp 160m² đất thuộc thửa đất số 1536 và 270m² đất thuộc thửa đất số 2287 và được UBND xã NH xác nhận ngày 06/9/2011. Ngày 29/9/2011, Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện NT đã xác nhận và đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện NT thẩm định trình UBND huyện NT phê duyệt. Ngày 06/10/2011, UBND huyện NT cấp GCNQSDĐ số BG 445716 cho bà P1 (cấp đổi); theo đó, diện tích ghi trong GCNQSDĐ là 430m² thuộc thửa số 1536, tờ bản đồ số 3 (gồm: 360m² đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài và 70m² đất trồng cây hàng năm, thời hạn sử dụng đến tháng 12/2013).

- Về tính hợp pháp của Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện NT:

Đối với diện tích 270m² đất thuộc thửa đất số 2287 là do bà P1 nhận chuyển nhượng từ em trai là ông Đặng Văn N2. Việc bà P1 sử dụng đối với diện tích đất này là hợp pháp. Vì vậy, UBND huyện NT cấp GCNQSDĐ số AC 690757 ngày 31/8/2005 cho bà P1 được quyền sử dụng đối với diện tích đất này là đúng quy định.

Đối với diện tích 160m² đất thuộc thửa số 1536 là đất ao, do UBND xã NH quản lý. Khi thực hiện giao ruộng theo Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 15/02/1992 của UBND tỉnh HNN, diện tích đất ao này không được cân đối để trừ tiêu chuẩn giao ruộng của hộ ông C1. Hộ ông C1 đã được giao đủ ruộng theo tiêu chuẩn và được cấp GCNQSDĐ theo quy định. Trong hồ sơ địa chính, GCNQSDĐ của hộ ông C1 không có diện tích đất ao nêu trên. Theo Phiếu thu ngày 12/11/2002 của UBND xã NH thì diện tích đất ao này là đất ông C1 được khoán thầu. Ngày 20/8/2004, UBND xã NH thu 8.000.000 đồng của ông C1 về khoản lệ phí cấp đất là việc giao đất trái thẩm quyền, trái quy định của pháp luật về đất đai.

Theo quy định tại khoản 3, Điều 15 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì diện tích đất này không được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, không được cấp GCNQSDĐ vì việc giao trái thẩm quyền này thực hiện sau ngày 01/7/2004. Do đó, việc ông C1 sử dụng diện tích đất này là không hợp pháp, ông C1 không đủ điều kiện chuyển quyền sử dụng diện tích đất này cho bà P1; việc bà P1 sử dụng diện tích đất này là không hợp pháp.

- Về Đơn xin đăng ký QSDĐ của bà P1: Bà P1 không viết Đơn này mà do cán bộ địa chính xã NH viết. Như vậy là không đúng với quy định tại điểm 1, Chương 2, Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC, ngày 30/11/2001 của Tổng Cục địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặc dù ngày 15/3/2005, ông C1 mới có “Giấy chuyển đất” cho bà P1 để làm nhà, nhưng trước đó (ngày 10/02/2003) bà P1 đã có Đơn đăng ký quyền sử dụng đất” và được UBND xã NH xác nhận ngày 14/02/2005, như vậy là không phù hợp với thực tế và nội dung xác nhận của UBND xã NH cũng không đúng nguồn gốc và hiện trạng khu đất. Không có ý kiến thẩm định của cơ quan địa chính cấp huyện. Phương án giải quyết về đất và nghĩa vụ tài chính xác định thời điểm bà P1 sử dụng đất từ năm 1995 và danh sách công khai các trường hợp chưa đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ hợp pháp hóa thông qua phương án xử lý, ghi mục sử dụng đất là “thổ cư”, nguồn gốc và thời điểm bắt đầu sử dụng đất: “xã cấp năm 1995”. Như vậy là không đúng nguồn gốc, cũng như thực tế sử dụng đất và không phù hợp với thời điểm UBND xã NH thu tiền sử dụng đất đối với ông C1 là ngày 20/8/2004.

Như vậy, trình tự thủ tục cấp GCNQSD 160m² đất thuộc thửa đất số 1536 cho bà P1 không đúng với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 135, Nghị định 181/2004/CP-NĐ ngày 29/10/2004 của Chính phủ, nên việc cấp GCNQSDĐ số AO 283371 ngày 25/11/2009 cho bà P1 là không đúng quy định của pháp luật.

- *Việc cấp GCNQSDĐ số BG 445716 ngày 06/10/2011 của UBND huyện NT:* UBND huyện NT cấp GCNQSDĐ số BG 445716 ngày 06/10/2011 chứng nhận bà Đặng Thị Hồng P1 được sử dụng 430 m² đất, do hợp 2 thửa đất số 1536 và thửa đất số 2287, trong đó thửa 1536 được cấp GCNQSDĐ không đúng quy định của pháp luật, nên việc cấp GCNQSDĐ số BG 445716 cũng không đúng quy định của pháp luật. Việc cấp GCNQSDĐ số AO 283371 ngày 25/11/2009, chứng nhận bà Đặng Thị Hồng P1 được quyền sử dụng 160 m² đất ở tại thửa 1536, tờ bản đồ số 3 là không đúng quy định của Luật Đất đai; dẫn đến GCNQSDĐ số BG 445716 do UBND huyện NT cấp ngày 06/10/2011 chứng nhận bà Đặng Thị Hồng P1 được sử dụng 430 m² đất do hợp 2 thửa đất số 1536 và thửa đất số 2287, là không đúng quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 4, Điều 87, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì Chủ tịch UBND huyện NT thu hồi GCNQSDĐ số BG 445716 do UBND huyện NT cấp ngày 06/10/2011 cho bà Đặng Thị Hồng P1 là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Kết luận số 01/KL-UBND của UBND huyện, ngày 14/01/2016 Chủ tịch UBND huyện NT ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ số BG 445716 do UBND huyện cấp ngày 06/10/2011 mang tên bà Đặng Thị Hồng P1 với diện tích 430 m² tại thửa 1536 tờ bản đồ số 3; Nội dung Quyết định này là đúng quy định của pháp luật. Ngày 24/12/2020, Chủ tịch UBND huyện NT ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của bà P1, trong đó quyết định: Giữ nguyên toàn bộ nội dung Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của Chủ tịch UBND huyện NT thu hồi GCNQSDĐ số BG 445716 do UBND huyện NT cấp ngày 06/10/2011 cho bà Đặng Thị Hồng P1. Nội dung Quyết định này là đúng quy định của pháp luật. Việc Chủ tịch UBND huyện NT ra Quyết định giải quyết

lần đầu đối với khiếu nại của bà P1 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 và các quy định liên quan. Vì vậy, Quyết định giải quyết khiếu nại số 1683/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh ND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Đặng Thị Hồng P1 có nội dung giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND huyện NT là đúng. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh ND không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Hồng P1 về việc:

1. Hủy Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NT, tỉnh ND về việc thu hồi GCNQSD đất số BG445716 mang tên bà Đặng Thị Hồng P1.

2. Hủy Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NT, tỉnh ND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

3. Hủy Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ND về việc khiếu nại lần 2.

Và giữ nguyên các quyết định nêu trên của Chủ tịch UBND huyện NT và Chủ tịch UBND tỉnh ND.

** Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện NT trình bày:* Ngày 30/7/2015, bà Đặng Thị Hồng P1 có đơn đề nghị xem xét việc cấp GCNQSD đất cho bà với diện tích 160 m² (đất ở) tại thửa đất số 1536, tờ bản đồ số 03 tại xã NH là không đúng. Căn cứ các quy định hiện hành của Luật Đất đai và Luật Thanh tra, ngày 24/8/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NT đã ban hành Quyết định số 3359/QĐ-UBND về việc thanh tra việc cấp GCNQSD đất cho hộ bà Đặng Thị Hồng P1, tại vị trí tờ bản đồ số 03, thửa số 1536 diện tích 160 m² tại xóm W, thôn HD, xã NH. Quá trình thanh tra đã xác định:

- Về nguồn gốc đất thửa đất: Theo bản đồ dải thửa xã NH khi thực hiện Chỉ thị 299/TTg (gốc chỉnh lý trên nền bản đồ 1983) được thể hiện tại thửa số 540, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.130 m², loại đất Ao. Theo bản đồ địa chính xã NH chỉnh lý thực địa năm 1994, thửa đất được thể hiện tại thửa số 1536, tờ bản đồ số 03, diện tích 380 m², loại đất Ao, ghi chủ sử dụng “UB” (đất công do UBND xã quản lý). Theo bản đồ kiểm kê đất đai năm 2005 xã NH kèm theo sổ mục kê được thể hiện tại thửa số 1536, tờ bản đồ số 03, diện tích 380 m², loại đất TSN, ghi chủ sử dụng “Chi”.

- Diễn biến quá trình sử dụng đất tại thửa đất số 1536, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã NH năm 1994: Ngày 20/8/1983, ông Đặng Hữu C1 (bố đẻ bà P1) có đơn đề nghị HTX nông nghiệp Nam Hoa, UBND xã NH xin chuyển đổi diện tích đất 5% chăn nuôi ở ngoài đồng để lấy diện tích đất ao 1.130 m² tại thửa 540, tờ bản đồ số 4 của HTX ở gần nhà để sử dụng, đã được HTX, UBND xã nhất trí ngày 25/4/1985. Năm 1993, thực hiện quyết định 115/QĐ-UB ngày 15/2/1992 của UBND tỉnh Hà Nam Ninh, UBND xã NH đã xây dựng phương án giao ruộng đất nông nghiệp ổn định lâu dài cho các hộ gia đình, xã viên. Theo

đề án này hộ ông Đặng Hữu C1 có 4 nhân khẩu (tại thời điểm này bà P1 đã lấy chồng và ở xóm khác), mỗi nhân khẩu được chia 1,35 sào/khẩu, hộ ông C1 đã được giao 2.005 m² đất nông nghiệp ngoài đồng tương ứng với 5,5 sào và đã được thể hiện trên sổ địa chính năm 1994, kèm theo sơ đồ, vị trí, kích thước, diện tích các thửa phụ. Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp trên của hộ ông C1 đã được cấp GCNQSD đất năm 1995 cùng với đất ở. Theo biên bản làm việc ngày 15/9/2015 giữa Đoàn Thanh tra, lãnh đạo UBND xã, nguyên Chủ nhiệm HTX NN, nguyên xóm trưởng xóm 10, xã NH thì sau khi chia giao ruộng ổn định năm 1993, diện tích đất ao tại thửa 1536, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã NH lập năm 1994 với diện tích là 380 m² là đất công do UBND xã quản lý, hộ ông C1 nhận khoán thầu, đến ngày 12/11/2002 UBND xã viết phiếu thu ông C1 “nộp hoa lợi công cộng đầu thầu 10 năm” với số tiền là 120.000 đồng. Ngày 20/8/2004, ông C1 nộp số tiền là 8.000.000 đồng (có phiếu thu của UBND xã) với nội dung “tiền lệ phí cấp đất” nhưng không ghi rõ diện tích, vị trí, tờ, thửa và không có biên bản bàn giao đất tại thực địa. Ngày 15/3/2005, ông C1 có bản viết tay “giấy chuyển đất” cho con gái là bà Đặng Thị Hồng P1 được toàn quyền sử dụng diện tích thửa đất ao, đã được các con của ông C1 nhất trí ký tên vào giấy chuyển quyền sử dụng đất. Ông C1 chết ngày 06/02/2006.

- Quá trình đăng ký kê khai cấp GCN QSD đất:

Việc cấp GCN QSD đất (do nhận chuyển nhượng) số AC 690757 ngày 31/8/2005 cho bà Đặng Thị Hồng P1 tại thửa 2287, tờ bản đồ số 3, diện tích 270 m²: Căn cứ hồ sơ chuyển nhượng QSD đất giữa bên chuyển nhượng ông Đặng Văn N2 (em trai bà P1) và bên nhận chuyển nhượng bà Đặng Thị Hồng P1. Ngày 31/8/2005, bà P1 được UBND huyện cấp GCN QSD đất số seri AC 690757 với diện tích 270 m² đất (trong đó: 200 m² đất ở, 70 m² đất trồng cây hàng năm khác) tại thửa đất số 2287, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã NH lập năm 1994. Việc cấp GCN QSD đất số seri AO 283371 ngày 25/11/2009 cho bà Đặng Thị Hồng P1 tại thửa 1536, tờ bản đồ số 3, diện tích 160 m² đất ở: Năm 2007, UBND xã NH đã tiến hành rà soát các hộ sử dụng đất trong khu dân cư, lập phương án xử lý trình cấp có thẩm quyền cấp GCN QSD đất với tổng số 138 hộ trong đó có hộ bà Đặng Thị Hồng P1. Ngày 20/6/2007, UBND xã NH ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng tư vấn đất đai xã NH, do ông Triệu Xuân D2 - Chủ tịch UBND xã làm Chủ tịch Hội đồng. Ngày 20/9/2007, UBND xã NH có biên bản xét duyệt phương án xử lý đối với trường hợp sử dụng đất chưa hợp pháp 112 hộ dân, trong đó có hộ bà Đặng Thị Hồng P1, diện tích 160 m², với số tiền phải nộp lệ phí địa chính là 100.000 đồng. Ngày 24/9/2007, UBND xã NH có Tờ trình số 04/TTr-UBND trình UBND huyện NT phê duyệt phương án các trường hợp sử dụng đất chưa hợp pháp. Ngày 28/9/2007, tại UBND xã NH, Phòng TN&MT, Phòng TC-KH, Chi cục thuế huyện NT gồm các ông Trần Xuân B1, Phạm Ngọc C2, Trần Trọng T2 đã tiến hành ký thẩm định hồ sơ gồm 112 hộ sử dụng đất chưa hợp pháp tại xã NH. Căn cứ vào biên bản thẩm định, ngày 28/9/2007 và các hồ sơ kèm theo, Phòng

TN&MT huyện đã thẩm định chỉ có 68 hộ đủ điều kiện cấp GCN QSD đất (có hộ bà P1) trong tổng số 112 hộ. Ngày 11/11/2008, Phòng TN&MT huyện đã tham mưu cho UBND huyện ban hành Quyết định 442/QĐ-UBND về việc cấp GCN QSD đất cho các hộ dân xã NH gồm 138 hộ với tổng diện tích 22.336 m² (trong đó 70 hộ tham gia đấu giá, 68 hộ rà soát). Ngày 25/11/2009, UBND huyện cấp GCN QSD đất cho bà Đặng Thị Hồng P1 số seri AO 283371 tại thửa 1536, tờ bản đồ số 3, diện tích 160 m² đất ở. Theo hồ sơ cấp GCN QSD đất của hộ bà Đặng Thị Hồng P1 lưu trữ tại Phòng TN&MT huyện thì: Hộ bà Đặng Thị Hồng P1 có tên trong danh sách các hộ xin cấp GCN QSD đất tại xã NH, huyện NT kèm theo Tờ trình số 10/TT-UBND ngày 22/8/2008 của UBND xã NH. Đơn xin đăng ký QSD đất ngày 10/2/2003. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh, bà P1 không phải người ký đơn và chữ ký do ông Triệu Quốc T3 - cán bộ địa chính xã ghi tên Đặng Thị Hồng P1 ở phần người sử dụng đất. Đơn đã được Chủ tịch UBND xã Triệu Xuân D2 ký đóng dấu ngày 14/2/2003 xác nhận “Về hiện trạng sử dụng đất: đã xây nhà ở; Về nguồn gốc sử dụng đất: xã cấp năm 1995” là không đúng hiện trạng và nguồn gốc sử dụng đất. Không có số liệu đo đạc đã ngoại (trích đo địa chính).

- Việc cấp GCN QSD đất (do hợp thửa) số seri BG 445716 ngày 06/10/2011 cho bà Đặng Thị Hồng P1 tại thửa 1536, tờ bản đồ số 3, diện tích 430 m²: Ngày 06/9/2011, bà Đặng Thị Hồng P1 có đơn xin hợp 2 thửa: thửa đất số 1536, tờ bản đồ số 3, diện tích 160 m² và thửa đất số 2287, tờ bản đồ số 3, diện tích 270 m² được UBND xã xác nhận đúng sự thực và ký ngày 06/9/2011. Ngày 29/9/2011, ông Ngô Ngọc G1 - Giám đốc VPĐKQSD đã ký nhất trí hợp hai thửa đất, đề nghị phòng TN&MT thẩm định xét trình UBND huyện phê duyệt. Ngày 06/10/2011, UBND huyện NT đã cấp GCN QSD đất cho bà Đặng Thị Hồng P1 (cấp đổi) số seri BG 445716 tại thửa số 1536, tờ bản đồ số 3, diện tích 430 m² (trong đó 360 m² là đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài; đất trồng cây hàng năm khác là 70 m², thời hạn sử dụng đến tháng 12/2013).

- Kết luận thanh tra nhận định:

+ Ngày 20/8/2004 UBND xã NH thu 8.000.000 đồng tiền lệ phí cấp đất mang tên ông Đặng Hữu C1 tại thửa đất 1536 thực chất là hành vi giao đất trái thẩm quyền; việc giao đất trái thẩm quyền không rõ diện tích, không rõ vị trí.

+ Việc Chủ tịch UBND xã NH Triệu Xuân D2 xác nhận vào đơn xin đăng ký QSDĐ ngày 10/2/2003 mang tên bà Đặng Thị Hồng P1 do ông Triệu Quốc T3 cán bộ địa chính viết tên Đặng Thị Hồng P1 vào phần người sử dụng đất; về hiện trạng người sử dụng đất đã xây nhà ở, về nguồn gốc sử dụng đất xã cấp năm 1995 là không đúng hiện trạng và thực tế.

+ Việc Hội đồng tư vấn về đất đai xã NH xét duyệt hộ bà Đặng Thị Hồng P1 đủ điều kiện đề nghị UBND huyện cấp GCNQSDĐ là không đúng quy định vì hộ bà P1 không rõ vị trí, diện tích giao đất, không có số liệu đo đạc đã ngoại.

+ Việc Phòng Tài nguyên & Môi trường thẩm định hồ sơ theo tờ trình của UBND xã NH đối với các hộ sử dụng đất trong khu dân cư đề nghị UBND cấp GCNQSDĐ đối với hộ bà Đặng Thị Hồng P1 là không đúng với quy định của pháp luật, vì không có số liệu đo đạc đã ngoại.

+ Việc cấp GCN QSDĐ theo hồ sơ hợp thửa số seri BG 445716 với diện tích 430m² tại thửa 1536 tờ bản đồ số 3 cho bà Đặng Thị Hồng P1 ngày 06/10/2011 là không đúng theo quy định của pháp luật vì GCNQSDĐ số AO 283317 với diện tích 160m² tại thửa 1536 tờ bản đồ số 3 cấp cho bà Đặng Thị Hồng P1 ngày 25/11/2009 không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 14/01/2016, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Kết luận thanh tra số 01/KL-UBND về việc cấp GCN QSD đất cho hộ bà Đặng Thị Hồng P1, tại vị trí tờ bản đồ số 03, thửa số 1536 diện 160 m², xóm W, thôn HD, xã NH. Kết luận đã nêu: “Thu hồi GCN QSDĐ số BG 445716 do UBND huyện NT cấp ngày 6/10/2011 mang tên bà Đặng Thị Hồng P1, xóm W, thôn HD, xã NH, huyện NT; Giao UBND xã NH chủ trì phối hợp với các ngành chức năng của huyện xây dựng phương án xử lý diện tích đất ao tại thửa 1536, tờ bản đồ số 03 bản đồ xã NH lập năm 1995 cấp cho bà Đặng Thị Hồng P1 đảm bảo theo đúng quy định pháp luật về đất đai”. Cùng ngày, UBND huyện NT đã ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND v/v thu hồi GCN QSD đất số BG 445716 do UBND huyện NT cấp ngày 06/01/2011 mang tên bà Đặng Thị Hồng P1. Không nhất trí với Kết luận số 01/KL-UBND và Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của Chủ tịch UBND huyện NT, bà P1 đã có đơn khiếu nại với nội dung: Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của Chủ tịch UBND huyện NT là trái quy định pháp luật. Theo “đơn xin chuyển đất 5% chăn nuôi” ngày 28/3/1983 của ông Đặng Hữu C1, đã được HTX, UBND xã NH nhất trí ngày 25/4/1985; bà P1 cho rằng đất đã được giao năm 1985, và theo Quyết định số 115/QĐ-UB của UBND tỉnh HNN thì đất phần trăm (%) được giữ lại cho người đang sử dụng, không lấy ra chia. Theo Phiếu thu ngày 20/8/2004 của UBND xã NH thu “lệ phí cấp đất” số tiền 8.000.000 đồng của ông Đặng Hữu C1 thì diện tích đất tại thửa số 1536, tờ bản đồ số 3 bà đang sử dụng là hợp pháp, trở thành đất thổ cư chứ không phải được giao trái thẩm quyền. Căn cứ Điều 50, Điều 105 Luật Đất đai năm 2003, Hướng dẫn số 42, 1456 của Sở Tài nguyên và Môi trường, đất của bà được giao trước 15/10/1993 thì được cấp GCN QSD đất mà không phải mất tiền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết khiếu nại của bà Đặng Thị Hồng P1:

- Ngày 14/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện NT đã có Thông báo số 214/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và ban hành Quyết định số 2412/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại.

- Ngày 24/12/2020, Chủ tịch UBND huyện NT đã ban hành Quyết định số 3749/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Đặng Thị Hồng P1 xóm W, thôn HD, xã NH. Giữ nguyên toàn bộ nội dung Quyết định số 22/QĐ-UBND

ngày 14/01/2016 của Chủ tịch UBND huyện NT về việc thu hồi GCN QSD đất số BG 445716 do UBND huyện NT cấp ngày 06/10/2011 mang tên bà Đặng Thị Hồng P1, xóm W, thôn HD, xã NH, huyện NT.

Vì: Quá trình xác minh nội dung khiếu nại, UBND huyện nhận thấy:

Ngày 20/8/2004, UBND xã NH đã thu 8.000.000 đồng của hộ ông Đặng Hữu C1 (bố bà Đặng Thị Hồng P1) với nội dung thu là “*tiền lệ phí cấp đất*”. Theo quy định tại Điều 37, Luật đất đai năm 2003 thì đây là hành vi giao đất trái thẩm quyền.

Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đề ngày 10/02/2003 nhưng không phải chữ ký và chữ viết của bà Đặng Thị Hồng P1. Nội dung xác nhận của UBND xã không đúng hiện trạng và nguồn gốc sử dụng đất là không đảm bảo theo quy định tại Điểm 1, Chương 2; Điểm 2, Điểm 3, Chương 3, Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng Cục địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 15/3/2005, ông C1 có bản viết tay “*giấy chuyển đất*” cho con gái là bà Đặng Thị Hồng P1 được toàn quyền sử dụng diện tích thửa đất ao. Tuy nhiên, đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất lại được lập ngày 10/02/2003 khi bà P1 chưa được chuyển quyền sử dụng đất.

Ông C1 (bố đẻ bà P1) được UBND xã giao đất trái thẩm quyền sau ngày 01/7/2004 (căn cứ phiếu thu ngày 20/8/2004), Tuy nhiên, bà Đặng Thị Hồng P1 vẫn được xét cấp GCN QSD đất với diện tích 160 m² đất ở là trái quy định tại Khoản 2, Điều 48 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Điều 15, 16 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Đặng Thị Hồng P1: Ngày 10/8/2021, Chủ tịch UBND tỉnh ND đã ban hành Quyết định số 1683/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại của bà Đặng Thị Hồng P1, trú tại thôn Hưng Lễ, xã NH, huyện NT, tỉnh ND. Tại Điều 1 Quyết định đã nêu: “Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện NT về việc giải quyết khiếu nại của bà Đặng Thị Hồng P1 là đúng; Yêu cầu bà Đặng Thị Hồng P1 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của Chủ tịch UBND huyện NT về việc thu hồi GCN QSDĐ số BG 445716 do UBND huyện NT cấp ngày 06/10/2011 mang tên bà Đặng Thị Hồng P1, xóm 10, xã NH, huyện NT”.

Xem xét toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc và hồ sơ có liên quan, đại diện UBND huyện NT cho rằng việc giải quyết của UBND huyện NT đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

* *Đại diện theo pháp luật của Chủ tịch UBND xã NH trình bày:*

- Về nguồn gốc sử dụng thửa đất: Theo hồ sơ địa chính, thửa đất số 1536, tờ bản đồ số 03, diện tích 380 m² đất ao do UBND xã quản lý.

- Về diễn biến quá trình sử dụng đất: Sau khi giao ruộng năm 1993, hộ ông C1 (bố đẻ bà P1) nhận khoán thuê diện tích đất ao trên. Ngày 20/8/2004, UBND xã NH có phiếu thu với số tiền 8.000.000 đồng có nội dung tiền lệ phí cấp đất. Ngày 15/3/2005, ông C1 có giấy viết tay chuyển quyền sử dụng thửa đất trên cho con gái là bà Đặng Thị Hồng P1 (ông C1 mất năm 2006). UBND xã NH đã thành lập Hội đồng tư vấn đất đai do ông Triệu Xuân D2 – nguyên chủ tịch UBND xã là chủ tịch hội đồng. Hội đồng đã họp xét duyệt phương án xử lý đối với các trường hợp sử dụng đất không hợp pháp trong đó có trường hợp bà Đặng Thị Hồng P1 sử dụng diện tích 160 m². UBND xã NH đã làm các thủ tục trình UBND huyện NT thẩm định, xét duyệt và cấp GCNQSD đất cho các trường hợp. Ngày 25/11/2009, UBND huyện NT đã cấp GCNQSD đất số AO 283371 cho bà Đặng Thị Hồng P1 tại thửa đất số 1536, tờ bản đồ số 03, diện tích 160 m² đất ở. Bà P1 đã nhận chuyển nhượng thửa đất số 2287, tờ bản đồ số 03 của em trai là ông Đặng Văn N2 và làm thủ tục hợp thửa 2 thửa đất trên, đã được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Ngày 06/10/2011, UBND huyện NT đã cấp đổi GCNQSD đất (sau khi hợp thửa 2 thửa đất) cho bà Đặng Thị Hồng P1 số seri BG 445716 tại thửa 1536, tờ BĐ số 03, DT 430 m² đất. Căn cứ kết luận số 01/KL-UBND, ngày 14/01/2016 của UBND huyện NT về việc thanh tra việc cấp GCN QSD đất cho hộ bà Đặng Thị Hồng P1 tại vị trí tờ bản đồ số 03, thửa đất số 1536, diện tích 160 m² tại xóm W, thôn HD, xã NH. Việc cấp GCN QSD đất theo hồ sơ hợp thửa seri số BG 445716 cấp ngày 06/11/2011 là không đúng với quy định của pháp luật vì GCNQSD đất seri số AO 283371 ngày 25/11/2009 cấp cho bà P1 không đúng quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 15/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh ND đã quyết định:

Căn cứ: Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ: Điều 106 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; khoản 1, 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Hồng P1 về việc: Yêu cầu huỷ Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 10-8-2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ND và các Quyết định hành chính khác có liên quan, gồm: Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NT, tỉnh ND về việc thu hồi GCNQSD đất số BG445716 mang tên bà Đặng Thị Hồng P1

và Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NT, tỉnh ND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19/9/2022, người khởi kiện là bà Đặng Thị Hồng P1 có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người khởi kiện là bà Đặng Thị Hồng P1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà vì cho rằng nguồn gốc thửa số 1536 là đất 5% của bố đẻ là cụ Đặng Hữu C1 cho bà đã được Hội đồng quản trị HTX và UBND xã NH đồng ý chuyển đất 5% từ bên nội về ao trước nhà từ năm 1983 (với 1 sào nội ăn 3 sào ao). Bà đã được UBND huyện NT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/10/2011. Việc UBND huyện NT ban hành quyết định số 22/QĐ/UBND để thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà là không đúng quy định của pháp luật.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:* Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ thấy rằng việc UBND huyện NT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do hợp thửa) số seri BG 445716 ngày 06/10/2011 cho bà Đặng Thị Hồng P1 tại thửa số 1536 tờ bản đồ số 3 diện tích 430m² là không đúng quy định của pháp luật. Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 “Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu” là đúng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Hồng P1 là có căn cứ. Bà Đặng Thị Hồng P1 kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để xem xét kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn là bà Đặng Thị Hồng P1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14/1/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NT về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 445716 mang tên Đặng Thị Hồng P1;

- Hủy Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Hủy Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ND về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Đây là các quyết định của cơ quan hành chính Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai nên vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh ND thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính.

[3] Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị Hồng P1 trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4] Về nội dung:

[4.1] Bà Đặng Thị Hồng P1 khởi kiện cho rằng nguồn gốc thửa số 1536 tờ bản đồ số 3 tại thôn HD, xã NH, huyện NT, tỉnh ND là của bố đẻ là cụ Đặng Hữu C1 cho bà đã được Hội đồng quản trị HTX và UBND xã NH đồng ý chuyển đất 5% từ bên nội về ao trước nhà từ năm 1983 (với 1 sào nội ăn 3 sào ao). Bà đã được UBND huyện NT công nhận quyền sử dụng 430m² bao gồm 270m² đất thuộc thửa số 2287 và 160m² đất thuộc một phần của thửa đất số 1536 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 445716 ngày 06/10/2011. Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14/1/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NT về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 445716 vì cho rằng thửa đất số 1536 là đất của UBND xã NH quản lý là không đúng quy định của pháp luật.

[4.2] Bản đồ địa chính qua các thời kỳ thể hiện:

- Bản đồ lập năm 1985 (khi thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước) thể hiện diện tích 380m² đất (trong tổng diện tích 430m² bao gồm 270m² đất thuộc thửa số 2287 và 160m² đất thuộc một phần của thửa đất số 1536 tại GCNQSDĐ cấp cho bà P1) thuộc thửa đất số 540, tờ bản đồ số 3, diện tích toàn thửa là 1.130m², loại đất “AO”, ghi chủ sử dụng là “HTX”.

Ngày 20/8/1983, cụ Đặng Hữu C1 (bố của bà P1) có đơn xin chuyển đổi diện tích đất 5% chăn nuôi lấy 1,45 sào ao nêu trên. Đơn đã được Hợp tác xã, UBND xã NH nhất trí và xác nhận ngày 25/4/1985.

- Theo Bản đồ địa chính xã NH lập năm 1991, chỉnh lý năm 1994 thể hiện phần đất nêu trên thuộc thửa số 1536, tờ bản đồ số 3, diện tích 380m², loại đất “AO”, ghi chủ sử dụng là “UB”.

Năm 1993, xã NH thực hiện việc giao ruộng cho các hộ gia đình theo Quyết định 115/QĐ-UB ngày 15/02/1992 của UBND tỉnh HNN; Theo đó, mỗi khẩu được giao 1,35 sào. Hộ cụ Đặng Hữu C1 có 04 nhân khẩu (tại thời điểm này bà P1 đã lấy chồng và sinh sống ở địa phương khác nên không có khẩu) được giao đủ 2.005m² theo tiêu chuẩn và được thể hiện trên Sổ địa chính năm 1994 kèm theo vị trí, diện tích các thửa phụ. Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của hộ cụ Chi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 cùng với diện tích đất ở, không có thửa đất 1536 (đất ao). Bà P1 cũng xác nhận cụ Chi không được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ao này.

Theo Biên bản làm việc ngày 15/9/2015 giữa Đoàn thanh tra, lãnh đạo UBND xã NH, nguyên Chủ nhiệm HTX nông nghiệp, nguyên Xóm trưởng xóm 10, xã NH thì sau khi chia giao ruộng ổn định năm 1993, diện tích đất ao tại thửa 1536, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã NH lập năm 1994 với diện tích 380m² là đất công do UBND xã quản lý, hộ cụ Chi nhận khoán thầu, đến ngày 12/11/2002, UBND xã NH viết phiếu thu của cụ Chi số tiền là 120.000 đồng với nội dung “*nộp hoa lợi công cộng đấu thầu 10 năm*”.

Như vậy, Tòa án sơ thẩm xác định thửa đất số 1536 là đất công do Ủy ban xã NH quản lý và cho hộ cụ Chi khoán thầu là có cơ sở.

[5] Về diện tích 160m² đất ở mà hộ bà P1 được UBND huyện NT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 283371 ngày 25/11/2009:

Ngày 10/02/2003, bà P1 có đơn xin cấp GCNQSD đất ở đối với diện tích 160m² đất ao nêu trên. Ngày 20/8/2004, UBND xã NH thu của cụ Đặng Hữu C1 8.000.000 đồng tiền lệ phí giao đất nhưng không thể hiện rõ diện tích và vị trí, số thửa đất. Ngày 14/02/2005, UBND xã NH xác nhận tại đơn của bà P1 “*về hiện trạng sử dụng đất: đã xây nhà ở; về nguồn gốc sử dụng đất: xã cấp năm 1995*”. Như đã phân tích, thửa đất số 1536 là đất công do Ủy ban xã NH quản lý và cho hộ cụ Chi khoán thầu 10 năm. UBND xã NH thu của cụ Đặng Hữu C1 8.000.000 đồng tiền lệ phí giao đất là trái thẩm quyền. Mặt khác, trước khi cụ Chi nộp tiền lệ phí giao đất và viết “Giấy chuyển đất” 15/3/2005 cho bà P1 được toàn quyền sử dụng diện tích đất ao thì bà P1 đã có đơn xin cấp GCNQSD đất ở đối với diện tích 160m² đất ao nêu trên. Nội dung xác nhận của UBND xã NH (ngày 14/02/2005) tại đơn xin cấp GCNQSD đất ngày 20/8/2004 của bà P1 là không có căn cứ, không đúng về nguồn gốc và thực trạng sử dụng đất.

[6] Ngoài những nội dung đã phân tích nêu trên, Giấy chuyển đất 15/3/2005 chỉ có chữ ký của cụ C1 và 04 người con của cụ, không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng ngày 20/9/2007, UBND xã NH có biên bản xét duyệt Phương án xử lý đối với 112 trường hợp sử dụng đất chưa hợp pháp, trong đó có hộ bà P1 sử dụng 160m², lệ phí trước bạ phải nộp là 100.000 đồng. Ngày 28/9/2007, đoàn kiểm tra liên ngành của huyện NT đã thẩm định xác nhận hồ sơ đối với 112 trường hợp nêu trên. Theo đó, ngày 11/11/2008, UBND huyện NT đã ban hành Quyết định số 442/QĐ-UBND cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân xã NH và hộ bà P1 được cấp GCNQSDĐ số AO 283371 ngày 25/11/2009, diện tích được ghi trong GCN là 160m² thuộc thửa đất số 1536, tờ bản đồ số 3, mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng: Lâu dài là không đúng nguồn gốc, loại đất, thời hạn giao đất và không đúng đối tượng được giao đất, không đúng quy định tại Điều 37 Luật Đất đai năm 2003; khoản 2, Điều 48 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004. Điều 15, Điều 16 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

[7] Về việc hợp thửa: Bà P1 sử dụng 270m² đất thuộc thửa đất số 2287 (là diện tích đất em trai bà P1 là ông Đặng Văn N2 cho tặng, đã được UBND huyện NT cấp GCNQSDĐ số AC 690757 ngày 31/8/2005) liền kề với diện tích 160m² đất thuộc thửa số 1536 bà được cấp GCNQSDĐ năm 2008. Ngày 06/9/2011, bà P1 có đơn xin hợp thửa diện tích 160m² đất thuộc thửa số 1536 với 270m² đất thuộc thửa số 2287 và được UBND xã NH xác nhận ngày 06/9/2011. Tuy nhiên, diện tích 160m² đất thuộc thửa số 1536 được UBND huyện NT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/11/2009 cho bà P1 là trái quy định như đã phân tích nêu trên nên việc UBND huyện NT, tỉnh ND cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 445716 ngày 06/10/2011 công nhận bà Đặng Thị Hồng P1 được sử dụng 430m² đất do hợp thửa một phần đất thuộc thửa số 1536 và thửa đất 2287 không đúng quy định của pháp luật.

[8] Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 445716 cấp ngày 06/10/2011 cho bà Đặng Thị Hồng P1 không đảm bảo về căn cứ giao đất theo quy định của pháp luật nên ngày 14/1/2016 Chủ tịch UBND huyện NT, tỉnh ND ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đúng thẩm quyền, nội dung quyết định có căn cứ theo quy định tại Điều 106 Luật Đất đai và khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu hủy Quyết định số 22/QĐ-UBND Ngày 14/01/2016 nêu trên của người khởi kiện là có căn cứ.

[9] Về tính hợp pháp của Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện NT giải quyết khiếu nại lần một và Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh ND giải quyết khiếu nại lần hai của bà Đặng Thị Hồng P1

[9.1] Bà P1 không đồng ý với Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của Chủ tịch UBND huyện Nam Trực về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND huyện NT.

[9.2] Sau khi thụ lý đơn khiếu nại của bà P1, Chủ tịch UBND huyện NT đã giao Thanh tra huyện tiến hành xác minh làm rõ nội dung khiếu nại của bà P1. Ngày 16/11/2020, Thanh tra huyện có báo cáo số 48/BC-TTr về kết quả xác minh cho thấy Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của Chủ tịch UBND huyện NT về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ pháp luật, ngày 24/12/2020, Chủ tịch UBND huyện NT đã ban hành Quyết định số 3749/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Đặng Thị Hồng P1 (lần đầu) giữ nguyên toàn bộ nội dung Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của Chủ tịch UBND huyện NT về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 445716 do UBND huyện NT cấp ngày 06/10/2011 mang tên bà Đặng Thị Hồng P1.

[9.3] Bà P1 không nhất trí với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu tiếp tục có đơn khiếu nại gửi đến UBND tỉnh ND. Chủ tịch UBND tỉnh ND giao thanh tra tỉnh phối hợp với Sở TN&MT và Văn phòng UBND tỉnh tiến hành xác minh làm rõ nội dung khiếu nại của bà P1. Ngày 24/5/2021, Thanh tra tỉnh ND có báo cáo số 44/BC-TTg báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại lần hai của bà Đặng Thị Hồng P1. Lãnh đạo UBND tỉnh ND đã tổ chức đối thoại trực tiếp với bà Đặng Thị Hồng P1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan vào ngày 09/7/2021.

[9.4] Trên cơ sở kết quả thẩm tra, xác minh, đối thoại và xem xét toàn diện hồ sơ, tài liệu có liên quan. Ngày 10/8/2021, Chủ tịch UBND tỉnh ND đã ban hành Quyết định số 1683/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai của bà Đặng Thị Hồng P1.

[9.5] Như vậy, Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện NT giải quyết khiếu nại lần một và Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh ND giải quyết khiếu nại lần hai của bà Đặng Thị Hồng P1 là đúng thẩm quyền, đúng trình tự và thủ tục ban hành theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 và các quy định liên quan, nội dung các quyết định có căn cứ pháp luật.

[10] Các quyết định hành chính bị khiếu kiện được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, nội dung các quyết định có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà P1 về việc đề nghị hủy các quyết định hành chính nêu trên là đúng quy định của pháp luật; không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[11] Kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà P1 là người cao tuổi và có yêu cầu nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Đặng Thị Hồng P1; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh ND;

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Hồng P1 được miễn án phí hành chính phúc thẩm Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm

Phạm Đình Khánh

Lê Thị Mai

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh ND;
- VKSND tỉnh ND;
- Cục THADS tỉnh ND;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mai